

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-07-2025
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn ản
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10.

Ngày 11 tháng 07 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 04 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 461/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13-05-2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 458/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13-06-2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Kim N**, sinh năm: 1983

Căn cước công dân số: 093183012014 – Cấp ngày: 09/01/2023 – Nơi cấp: Cục Trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: D16A/46 ấp X, xã H (xã H, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng P**, sinh năm: 1980

Căn cước công dân số: 093080008217 – Cấp ngày: 12/04/2022 – Nơi cấp:
Cục Trưởng Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: D16A/46 ấp X, xã H (xã H, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 03 năm 2025, bản tự khai ngày 14/04/2025 nguyên đơn – bà Trần Thị Kim N trình bày như sau:

Bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Hoàng P tự nguyện quen biết nhau, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp, thành phố Cần Thơ (Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 53, quyển số: 01, ngày đăng ký kết hôn: 20/12/2001). Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được. Do tính tình không hoà hợp, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn thương yêu lẫn nhau. Nay bà Trần Thị Kim N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P.

Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng P và bà Trần Thị Kim N chung sống với nhau có 04 (bốn) con chung tên như sau

1. Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 28/08/2002, giới tính: nữ;
2. Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 01/08/2006, giới tính: nữ;
3. Nguyễn Hoàng Thiên P, sinh ngày 24/03/2008, giới tính: nam;
4. Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 30/09/2012, giới tính: nữ.

Hiện 02 trẻ Nguyễn Hoàng Thiên P, Nguyễn Thị Quỳnh N đang sống với cha mẹ tại địa chỉ: D16A/46 ấp X, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, còn 02 trẻ Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn Thị Bảo T đã trưởng thành và tự nuôi sống mình. Sau khi ly hôn bà Trần Thị Kim N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ là

Nguyễn Hoàng Thiên P và Nguyễn Thị Quỳnh N. Bà Trần Thị Kim N không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị Kim N yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và các vấn đề khác: Bà Trần Thị Kim N tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Kim N vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt bà Ngọc.

Bị đơn – ông Nguyễn Hoàng P đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tổng đạt tại nơi cư trú: D16A/46 ấp X, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Phong vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Hoàng P vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là bà Trần Thị Kim N nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng P tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, hiện ông Phong cư trú tại xã H (xã H, huyện B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Hoàng P có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp, thành phố Cần Thơ (Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 53, quyển số: 01, ngày đăng ký kết hôn: 20/12/2001). Do đó, hôn nhân giữa bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Hoàng P là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn – bà Trần Thị Kim N vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bà Ngọc. Bị đơn – ông Nguyễn Hoàng P vắng mặt tại phiên tòa xét xử đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quy định thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Nguyên đơn – bà Trần Thị Kim N yêu cầu được ly hôn với bị đơn – ông Nguyễn Hoàng P; Về con chung: Có 04 (bốn) con chung tên là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 28/08/2002 (đã trưởng thành), giới tính: nữ; Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 01/08/2006 (đã trưởng thành), giới tính: nữ; Nguyễn Hoàng Thiên P, sinh ngày 24/03/2008, giới tính: nam; Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 30/09/2012, giới tính: nữ. Hiện 02 trẻ Nguyễn Hoàng Thiên P, Nguyễn Thị Quỳnh N đang sống với cha mẹ tại địa chỉ: D16A/46 ấp X, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: nguyên đơn yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: nguyên đơn xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Bị đơn - ông Nguyễn Hoàng P vắng mặt không đến Tòa án, không nộp văn bản cũng như không trình bày ý kiến để bảo vệ quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên được coi là từ bỏ quyền trình bày của mình trước tòa.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Hai bên đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt với nhau, ly thân với nhau, để một trong hai bên có yêu cầu ly hôn. Bị đơn không lên Tòa án bảo vệ quan điểm yêu cầu đoàn tụ của mình và có biện pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng, đem lại hạnh phúc cho gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: Nguyên đơn xác nhận có 04 (bốn) con chung tên là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 28/08/2002 (đã trưởng thành), giới tính: nữ; Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 01/08/2006 (đã trưởng thành), giới tính: nữ; Nguyễn Hoàng Thiên P, sinh ngày 24/03/2008, giới tính: nam; Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 30/09/2012, giới tính: nữ. Sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 trẻ là Nguyễn Hoàng Thiên P và Nguyễn Thị Quỳnh N, riêng 02 cháu Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Thị Bảo T đã trưởng thành và tự nuôi sống mình nên nguyên đơn không có ý kiến gì. Hiện 02 trẻ Phú và trẻ Như đang sống cùng mẹ tại địa chỉ: D16A/46 ấp X, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ biên bản ghi nhận ý kiến cả 02 trẻ Phú và trẻ Như đều có nguyện vọng thích sống chung với mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận cho nguyên đơn được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 trẻ Nguyễn Hoàng Thiên P và Nguyễn Thị Quỳnh N là phù hợp với tình hình sinh sống, học tập của 2 trẻ Nguyễn Hoàng Thiên P và Nguyễn Thị Quỳnh N.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn.

[9] Về tài sản chung: Nguyên đơn yêu cầu tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

giải quyết.

[10] Về nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 93, 94, 95, 96, 97, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 và Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Kim N.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Kim N và ông Nguyễn Hoàng P chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Giấy Chứng nhận kết hôn số: 53, quyển số: 01, ngày đăng ký kết hôn: 20/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp, thành phố Cần Thơ cấp cho bà Trần Thị Kim N (CMND số: 362015041, cấp tại: CA-CT, ngày 01/02/2001) và ông Nguyễn Hoàng P (CMND số: 361920841, cấp tại: CA-CT, ngày 20/07/1999) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2- Về con chung: Có 04 (bốn) con chung

- Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 28/08/2002, giới tính: nữ;
- Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 01/08/2006, giới tính: nữ;
- Nguyễn Hoàng Thiên P, sinh ngày 24/03/2008, giới tính: nam;
- Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày: 30/09/2012, giới tính: nữ.

Bà Trần Thị Kim N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 (hai) trẻ Nguyễn Hoàng Thiên P và Nguyễn Thị Quỳnh N.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Hoàng P.

Ông Nguyễn Hoàng P có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Kim N yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4- Về nợ chung: Bà Trần Thị Kim N xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5- Về án phí: bà Trần Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Trần Thị Kim N đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0052199 ngày 31 tháng 03 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Kim N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6- Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM (1);
- VKSND Khu vực 10 (2);
- Thi hành án dân sự TP.HCM (1);
- Các đương sự (6);
- Cơ quan nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ôn Kim Chi

